

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1846/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển ấp thành khu phố thuộc 06 phường: An Hòa,
Hiệp Hòa, Hóa An, Tân Hạnh, Phước Tân, Tam Phước
thuộc thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 694/NQ-UBTVQH14 ngày 10/5/2019 của Ủy
ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và
thành lập một số đơn vị hành chính đô thị cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ
hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày
31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân
phố;

Xét đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 6594/TTr-
SNV ngày 31/5/2019 và Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1898/TTr-SNV ngày
11/6/2019 về việc chuyển ấp thành khu phố thuộc các phường: An Hòa, Hiệp
Hòa, Hóa An, Tân Hạnh, Phước Tân, Tam Phước thuộc thành phố Biên Hòa,
tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển ấp thành khu phố thuộc các phường: An Hòa, Hiệp
Hòa, Hóa An, Tân Hạnh, Phước Tân, Tam Phước thuộc thành phố Biên Hòa,
như sau:

1. Phường An Hòa: có diện tích tự nhiên là 921,4 ha, dân số 5.576
hộ/21.311 nhân khẩu, gồm có 04 khu phố: 1, 2, 3, 4.

1.1. Khu phố 1: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp 1 có
diện tích tự nhiên 152 ha, dân số 1.583 hộ/6.190 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: Phía Đông giáp khu phố 3; phía Tây giáp khu phố 2; phía
Nam giáp khu phố 3, khu phố 4; phía Bắc giáp phường Long Bình Tân.

1.2. Khu phố 2: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp 2 có tổng diện tích tự nhiên 131 ha, dân số 1.868 hộ/7.601 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp khu phố 1; phía Tây giáp phường Long Bình Tân; phía Nam giáp khu phố 1; phía Bắc giáp phường Long Bình Tân.

1.3. Khu phố 3: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp 3 có diện tích tự nhiên 278,4 ha, dân số 1.142 hộ/4.023 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp khu phố 4; phía Tây giáp khu phố 1; phía Nam giáp khu phố 1; phía Bắc giáp phường Long Bình Tân

1.4. Khu phố 4: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp 3 có diện tích tự nhiên 360 ha, dân số 983 hộ/3.497 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp phường Phước Tân; phía Tây giáp khu phố 3; phía Nam giáp khu phố 3, khu phố 1; phía Bắc giáp phường Phước Tân.

2. Phường Hiệp Hòa: có diện tích tự nhiên là 697,7 ha, dân số 4.582 hộ/15.580 nhân khẩu, gồm có 03 khu phố: Nhất Hòa, Nhị Hòa, Tam Hòa.

2.1. Khu phố Nhất Hòa: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Nhất Hòa có diện tích tự nhiên 280,4 ha, dân số 1.646 hộ/5.576 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp sông Cái; phía Tây giáp khu phố Nhị Hòa và sông Đồng Nai; phía Nam giáp khu phố Tam Hòa; phía Bắc giáp sông Cái.

2.2. Khu phố Nhị Hòa: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Nhị Hòa có diện tích tự nhiên 111,9 ha, dân số 1.593 hộ/5.417 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp khu phố Nhất Hòa; phía Tây giáp sông Đồng Nai; phía Nam giáp khu phố Tam Hòa; phía Bắc giáp sông Cái.

2.3. Khu phố Tam Hòa: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Tam Hòa có diện tích tự nhiên 305,4 ha, dân số 1.343 hộ/4.587 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp sông Cái; phía Tây giáp khu phố Nhị Hòa; phía Nam giáp sông Đồng Nai và sông Cái; phía Bắc giáp khu phố Nhất Hòa.

3. Phường Hóa An: có diện tích tự nhiên là 684,95 ha, dân số 10.966 hộ/35.257 nhân khẩu, gồm có 04 khu phố: Đồng Nai, Bình Hóa, An Hòa, Cầu Hang.

3.1. Khu phố An Hòa: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp An Hòa có diện tích tự nhiên 157,3 ha, dân số 3.455 hộ/10.759 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp khu phố Cầu Hang; phía Tây giáp khu phố Bình Hóa; phía Nam giáp khu phố Đồng Nai; phía Bắc giáp phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3.2. Khu phố Bình Hóa: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Bình Hóa có diện tích tự nhiên 278,2 ha, dân số 2.797 hộ/9.063 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp khu phố An Hòa; phía Tây giáp sông Đồng Nai; phía Nam giáp khu phố Đồng Nai; phía Bắc giáp phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3.3. Khu phố Cầu Hang: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Cầu Hang có diện tích tự nhiên 140,6 ha, dân số 2.521 hộ/8.299 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; phía Tây giáp khu phố An Hòa; phía Nam giáp khu phố Đồng Nai; phía Bắc giáp phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3.4. Khu phố Đồng Nai: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Đồng Nai có diện tích tự nhiên 108,8 ha, dân số 2.193 hộ/7.136 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp phường Bửu Hòa; phía Tây giáp khu phố An Hòa; phía Nam giáp phường Bửu Hòa và khu phố Đồng Nai; phía Bắc giáp sông Đồng Nai.

4. Phường Tân Hạnh: có diện tích tự nhiên là 606,08 ha, dân số 2.751 hộ/11.560 nhân khẩu, gồm có 04 khu phố: 1, 2, 3, 4

4.1. Khu phố 1: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp 1 có diện tích tự nhiên 102,61 ha, dân số 1.282 hộ/4.765 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông và Đông Bắc tiếp giáp với sông Đồng Nai; phía Đông Nam tiếp giáp khu phố 2; phía Nam giáp với khu phố 3; phía Tây tiếp giáp khu phố 4; phía Tây Bắc tiếp giáp với tỉnh Bình Dương.

4.2. Khu phố 2: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp 2 có diện tích tự nhiên 138,17 ha, dân số 369 hộ/1.969 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông và Đông Bắc tiếp giáp với sông Đồng Nai; phía Đông Nam tiếp giáp phường Hóa An; phía Nam giáp với khu phố 3; phía Tây và Tây Bắc tiếp giáp với khu phố 1.

4.3. Khu phố 3: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp 3 có diện tích tự nhiên 110,63 ha, dân số 536 hộ/2.203 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông và Đông Nam tiếp giáp với phường Hoá An; phía Nam giáp với tỉnh Bình Dương; phía Bắc và Tây Bắc giáp khu phố 1 và khu phố 2; phía Tây tiếp giáp khu phố 4.

4.4. Khu phố 4: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp 4 có diện tích tự nhiên 254,67 ha, dân số 564 hộ/2.623 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Bắc, Tây và Nam tiếp giáp với tỉnh Bình Dương; phía Đông và Đông Bắc tiếp giáp khu phố 1; phía Đông Nam giáp với khu phố 3.

5. Phường Phước Tân: có diện tích tự nhiên là 4.276,98 ha, dân số 16.693 hộ/62.331 nhân khẩu, gồm có 08 khu phố: Rạch Chiếc, Tân Mai, Miếu, Đồng, Hương Phước, Vườn Dừa, Tân Cang, Tân Lập.

5.1. Khu phố Rạch Chiếc: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Rạch Chiếc có diện tích tự nhiên 141,9 ha, dân số 132 hộ/431 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp phường Tam Phước; phía Tây giáp sông Giữa, phường Tam Phước; phía Nam giáp sông Giữa, phường Tam Phước; phía Bắc giáp khu phố Tân Mai.

5.2 Khu phố Tân Mai: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Tân Mai có diện tích tự nhiên 764,95 ha, dân số 2.236 hộ/8.431 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp khu phố Miếu; phía Tây giáp khu phố Đồng; phía Nam giáp phường Tam Phước; phía Bắc giáp khu phố Đồng, khu phố Miếu.

5.3. Khu phố Miếu: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Miếu có diện tích tự nhiên 365,7 ha, dân số 2.027 hộ/7.433 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp khu phố Tân Cang; phía Tây giáp khu phố Đồng; phía Nam giáp khu phố Tân Mai; phía Bắc giáp khu phố Hương Phước.

5.4. Khu phố Đồng: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Đồng có diện tích tự nhiên 353,4 ha, dân số 824 hộ/3.146 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp khu phố Hương Phước, khu phố Đồng; phía Tây giáp phường An Hòa; phía Nam giáp sông Buông, khu phố Tân Mai; phía Bắc giáp phường An Hòa.

5.5. Khu phố Hương Phước: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Hương Phước có diện tích tự nhiên 418,5 ha, dân số 5.061 hộ/19.160 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp khu phố Tân Cang; phía Tây giáp phường An Hòa, khu phố Đồng; phía Nam giáp khu phố Miếu; phía Bắc giáp khu phố Vườn Dừa.

5.6 Khu phố Vườn Dừa: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Vườn Dừa có diện tích tự nhiên 198,5 ha, dân số 3.231 hộ/12.458 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp khu phố Tân Cang; phía Tây giáp phường An Hòa, phường Long Bình; phía Nam giáp khu phố Hương Phước; phía Bắc giáp phường Long Bình.

5.7. Khu phố Tân Cang: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Tân Cang có diện tích tự nhiên 1.134,93 ha, dân số 1.976 hộ/6.950 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp khu phố Tân Lập; phía Tây giáp khu phố Vườn Dừa, khu phố Hương Phước, khu phố Miếu; phía Nam giáp phường Tam Phước; phía Bắc giáp phường Long Bình và xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom.

5.8. Khu phố Tân Lập: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Tân Lập có diện tích tự nhiên 899,1 ha, dân số 1.206 hộ/4.322 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp xã Bình Minh, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom; phía Tây giáp khu phố Tân Cang; phía Nam giáp phường Tam Phước; phía Bắc giáp xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom.

6. Phường Tam Phước: có diện tích tự nhiên là 4.510,2 ha, dân số 23.146 hộ/65.471 nhân khẩu, gồm có 07 khu phố: Long Khánh 1, Long Khánh 2, Long Khánh 3, Long Đức 1, Long Đức 2, Long Đức 3, Thiên Bình.

6.1. Khu phố Long Khánh 1: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Long Khánh 1 có diện tích tự nhiên 706 ha, dân số 2.479 hộ/7.989 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp khu phố Thiên Bình; phía Tây giáp phường Phước Tân; phía Nam giáp khu phố Long Khánh 2, khu phố Long Khánh 3; phía Bắc giáp phường Phước Tân.

6.2. Khu phố Long Khánh 2: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Long Khánh 2 có diện tích tự nhiên 790 ha, dân số 806 hộ/2.757 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp khu phố Long Khánh 3; phía Tây giáp Sông Đồng Nai; phía Nam giáp xã Tam An, huyện Long Thành; phía Bắc giáp khu phố Long Khánh 1.

6.3. Khu phố Long Khánh 3: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Long Khánh 3 có diện tích tự nhiên 480 ha, dân số 2.134 hộ/5.279 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp Quốc lộ 51; phía Tây giáp khu phố Long Khánh 2; phía Nam giáp xã An Phước, huyện Long Thành; phía Bắc giáp khu phố Long Khánh 1.

6.4. Khu phố Long Đức 1: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Long Đức 1 có diện tích tự nhiên 869,2 ha, dân số 6.182 hộ/17.866 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp khu phố Long Đức 2 và xã An Viễn, huyện Trảng Bom; phía Tây giáp khu phố Long Đức 3; phía Nam giáp xã An Phước, huyện Long Thành; phía Bắc giáp phường Phước Tân.

6.5 Khu phố Long Đức 2: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Long Đức 2 có diện tích tự nhiên 740 ha, dân số 322 hộ/1.242 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp xã An Viễn, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom; phía Tây giáp khu phố Long Đức 1; phía Nam giáp khu phố Long Đức 1, xã An Viễn, huyện Trảng Bom; phía Bắc giáp phường Phước Tân và xã Giang Điền, huyện Trảng Bom.

6.6. Khu phố Long Đức 3: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Long Đức 3 có diện tích tự nhiên 360 ha, dân số 5.457 hộ/14.612 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp khu phố Long Đức 1; phía Tây giáp khu phố Long Khánh 1; phía Nam giáp xã An Phước, huyện Long Thành; phía Bắc giáp khu phố Thiên Bình.

6.7. Khu phố Thiên Bình: trên cơ sở nguyên trạng diện tích và dân số của ấp Thiên Bình có diện tích tự nhiên 565 ha, dân số 5.766 hộ và 15.726 nhân khẩu.

Vị trí địa lý: phía Đông giáp khu phố Long Đức 1; phía Tây giáp khu phố Long Khánh 1; phía Nam giáp khu phố Long Đức 3; phía Bắc giáp phường Phước Tân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, Chủ tịch UBND các phường: An Hòa, Hiệp Hòa, Hóa An, Tân Hạnh, Phước Tân, Tam Phước thuộc thành phố Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực TU;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban TT UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.



Đinh Quốc Thái

SỐ LIỆU DIỆN TÍCH, DÂN SỐ CÁC ÁP THUỘC 6 PHƯỜNG - BIÊN HÒA

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DIỆN TÍCH (ha)	SỐ HỘ	SỐ DÂN
1	An Hòa	921,40	5.576,00	21.311,00
1	Áp 1	152,00	1.583,00	6.190,00
2	Áp 2	131,00	1.868,00	7.601,00
3	Áp 3	278,40	1.142,00	4.023,00
4	Áp 4	360,00	983,00	3.497,00
2	Hiệp Hòa	697,70	4.582,00	15.580,00
1	Nhất Hòa	280,40	1.646,00	5.576,00
2	Nhị Hòa	111,90	1.593,00	5.417,00
3	Tam Hòa	305,40	1.343,00	4.587,00
3	Hóa An	684,95	10.966,00	35.257,00
1	Áp An Hòa	157,30	3.455,00	10.759,00
2	Áp Bình Hóa	278,25	2.797,00	9.063,00
3	Áp Cầu Hang	140,60	2.521,00	8.299,00
4	Áp Đồng Nai	108,80	2.193,00	7.136,00
4	Phước Tân	4.276,98	16.693,00	62.331,00
1	Áp Rạch Chiếc	141,90	132,00	431,00
2	Áp Tân Mai	764,95	2.236,00	8.431,00
3	Áp Miếu	365,70	2.027,00	7.433,00
4	Áp Đồng	353,40	824,00	3.146,00
5	Áp Hương Phước	418,50	5.061,00	19.160,00
6	Áp Vườn Dừa	198,50	3.231,00	12.458,00
7	Áp Tân Cang	1.134,93	1.976,00	6.950,00
8	Áp Tân Lập	899,10	1.206,00	4.322,00
5	Tam Phước	4.510,20	23.146,00	65.471,00
1	Áp Long Khánh 1	706,00	2.479,00	7.989,00
2	Áp Long Khánh 2	790,00	806,00	2.757,00
3	Áp Long Khánh 3	480,00	2.134,00	5.279,00
4	Áp Long Đức 1	869,20	6.182,00	17.866,00
5	Áp Long Đức 2	740,00	322,00	1.242,00
6	Áp Long Đức 3	360,00	5.457,00	14.612,00
7	Áp Thiên Bình	565,00	5.766,00	15.726,00
6	Tân Hạnh	606,08	2.751,00	11.560,00
1	Áp 1	102,61	1.282,00	4.765,00
2	Áp 2	138,17	369,00	1.969,00
3	Áp 3	110,63	536,00	2.203,00
4	Áp 4	254,67	564,00	2.623,00
	Tổng cộng: 30 áp			

ÔNG MAI